TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Dòng chảy Phật giáo Nam Tông ở Huế

ISSN: 2734-9195 14:35 03/07/2026

Sự ra đời và phát triển các ngôi chùa cũng như duy trì phương thức tu tập theo truyền thống Phật giáo Nam tông đã phản ánh một cách rõ nét về dấu ấn văn hóa Phật giáo Ấn Độ tại vùng đất Huế.

Tác giả:

Ths. Nguyễn Hữu Phúc

Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế

Nguyễn Đăng Mạnh

Trường Đại học Đông Á

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 07/2026

1. Vài nét về sự hình thành và phát triển Phật giáo Nam Tông ở Huế

Phật giáo Việt Nam vào những năm đầu của thế kỷ XX là giai đoạn phát triển những luồng sinh khí mới từ hệ phái nội sinh như Hệ phái Khất sĩ và ngoại sinh như Phật giáo Nam tông đã tạo nên một Phật giáo Việt Nam đầy màu sắc, thể hiện được sự dung hợp trong các pháp môn tu tập, có nhiều lựa chọn cho những người theo tu học. Phật giáo Nam tông hình thành tại Việt Nam từ năm 1939 do ngài Hộ Tông cùng hai vị Hòa thượng Thiện Luật, Huệ Nghiêm và một vị Hòa thượng người nước ngoài truyền vào, ngôi chùa đầu tiên các vị Hòa thượng đặt chân đến là chùa Bửu Quang (Gò Dưa) nay tọa lạctại 171/10 Quốc lộ 1A, Phường Tam Bình, TP.Hồ Chí Minh (1).

Đến năm 1941, Phật giáo Nam tông nhanh chóng phát triển ra các tỉnh **Nam bộ** , sau đó đến các tỉnh miền Trung, trong đó có Huế. Theo Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm cho biết: vào những năm 50 của thế kỷ XX “sơ Tổ khai phái Nam tông là ngài Hộ Tông cùng một số vị Tỳ-kheo từ chùa Theravada Tam Bảo (Đà

Nẵng) ra Huế truyền Phật giáo Theravada và xây dựng chùa Tăng Quang ở vùng "Ông Hoàng Mười". Năm này chính là niên đại Phật giáo Theravada truyền đến Huế và sinh hoạt từ bấy đến nay" (2). Tuy nhiên, thời gian này tại Việt Nam cũng như ở Huế đang bị ảnh hưởng bởi chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm nên gặp khá nhiều khó khăn. Bằng sự nỗ lực của Hòa thượng Giới Nghiêm (3), cơ sở Phật giáo Nam tông đầu tiên được xây dựng trên đất Huế vào năm 1954, mang tên chùa Tăng Quang (dân địa phương gọi chùa Áo Vàng), tọa lạc tại 1/1 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Gia Hội, thành phố Huế. Lúc đầu chùa chỉ là ngôi nhà lá đơn sơ để Hòa thượng Giới Nghiêm dừng chân tu thiền và dạy đạo cho phật tử.

Bàn về nguyên nhân Hòa thượng Giới Nghiêm quyết định du nhập **Phật giáo Nam tông** vào Huế, Nguyễn Văn Sáu đã kể như sau: Hòa thượng Giới Nghiêm xuất gia Sa-di vào năm 1930 tại một ngôi chùa ở làng Bãng Lãng, theo Phật giáo Bắc tông. Một hôm, Hòa thượng Giới Nghiêm đã thấy hình ảnh các Sa-môn của Phật giáo Nguyên thủy Lào, được Hoàng hậu Từ Cung thỉnh vào Đại Nội, tụng kinh cầu quốc thái dân an. Hình ảnh những vị tu sĩ Phật giáo Lào đã tác động rất lớn đến con đường tu học của Hòa thường Giới Nghiêm và ngài quyết định theo giáo phái này, giống như các vị tu sĩ Lào có Tam y và Quả bát, mà ở Việt Nam chưa có. Sau đó, Đức Giới Nghiêm được tin có phái đoàn truyền giáo của Phật giáo Nguyên thủy, do người Việt Nam tu tập ở Campuchia truyền về. Nghe tin này, ngài rất mừng và tìm gặp phái đoàn truyền giáo do Hòa thượng Hộ Tông lãnh đạo. Khi nhìn thấy phái đoàn truyền giáo này đi ở Sài Gòn không khác gì khi nhìn thấy ở Huế, ngài nghĩ thầm: "Ta đã tìm đúng tông phái mà ta đã mơ tưởng trước đây rồi, vậy ta hãy lập tức hành động".



Di ảnh Hòa thượng Giới Nghiêm. Ảnh tư liệu

Trong lần đi này, ngài đã cùng các huynh đệ có chung mong ước muốn tu theo Phật giáo Nam tông đến gặp gỡ phái đoàn truyền giáo của Hòa thượng Hộ Tông cũng như được giải đáp những thắc mắc trong những năm qua. Từ đó, ngài quyết tâm tu theo Phật giáo Nam tông. Đến năm 1944, Đức Giới Nghiêm giã từ

quê hương, sang Campuchia tu học. Sau quá trình tu tập tinh tấn không mệt mỏi, Đức Giới Nghiêm được thầy bổn sư cho thọ đại giới, xuất gia Tỳ-kheo theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy, thầy tế độ là Hòa thượng Visuddhiransi và thầy Yết ma là Candavijira vào ngày 8/3/1947. Trong thời gian ở Campuchia, Đức Giới Nghiêm có dịp sang Thái Lan để tu học thêm. Sau

9 năm tu học ở Campuchia và Thái Lan, Ngài quyết định trở về Việt Nam để cùng phối hợp với Hòa thượng Hộ Tông truyền bá Phật giáo Nam tông và thành lập Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam. Vì ngài là người Huế, nên muốn truyền bá trên quê hương của mình, trước là để đền ơn song thân giáo dưỡng và sau là báo đáp thầy tổ đã nuôi dưỡng tâm hồn mình (4).

Với uy tín của **Hòa thượng Giới Nghiêm** và sự ngộ đạo của nhiều phật tử, đến năm 1959, chùa Tăng Quang được tiến hành trùng tu chính điện và xây dựng bảo tháp tôn trí Xá lợi Đức Phật Thích Ca. Chùa Tăng Quang được xây dựng với hình thức "cải gia vi tự", mua lại nhà cũ, sửa chữa thành chùa, do ông Nguyễn Thiện Đông và bà Nguyễn Thị Cúc phát tâm cúng dường. Đây chính là cơ sở cho việc hình thành và phát triển các ngôi chùa Nam tông dần được xây dựng trên đất Huế như: chùa Thiền Lâm (1960), chùa Định Quang (1962), chùa Pháp Luân (1967), chùa Huyền Không (1973), chùa Huyền Không Sơn Thượng (1989).



Chùa Thiền Lâm. Ảnh: Hữu Phúc

Sau khi du nhập vào Huế, dưới sự lãnh đạo của chư vị cao Tăng như Hòa thượng Giới Nghiêm, Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Giới Đức, Hòa thượng Thiện Lực,... Phật giáo Nam tông dần phát triển mạnh tại Huế. Năm 1960, sau khi tu học từ Myanmar trở về, Hòa thượng Hộ Nhẫn lên đồi Quảng Tế (Huế) lập một cốc nhỏ để tu tập. Được sự quan tâm của chính quyền giáo hội tỉnh, ngôi cốc nhỏ trở thành một ngôi chùa tên là Thiền Lâm. Với giới đức tinh nghiêm, tâm từ lan tỏa, Hòa thượng Hộ Nhẫn đã cảm hóa được tín chúng về tu tập, vì ngưỡng

mộ đức độ của ngài, năm 1965 có hai nữ phật tử xuất gia thọ Sa di và được ngài ban pháp danh là Từ Minh và Từ Niệm. Tuy nhiên, việc để nữ giới tu tập trong chùa là không tiện, nên ngài đã xây dựng một tịnh thất đơn sơ bên ngoài chùa Thiền Lâm lấy tên là Gotami.

Đến năm 1971, ngài tiếp độ thêm một nữ phật tử xuất gia tên Lê Thị Lang, cho thọ 8 giới với pháp danh là Từ Nguyên. Năm 1997, ngài Hộ Nhẫn lại tiếp độ cho một người nữ cuối cùng đó là tu nữ Tâm Huệ. Tính đến năm 1997, tịnh thất Gotami có bốn vị Tu nữ dưới sự dẫn dắt của Hòa thượng Hộ Nhẫn và Sư cô Từ Niệm làm chúng trưởng (5). Năm 2015, Sư cô Từ Nguyên đã trùng tu lại tịnh thất Gotami một cách khang trang và bề thế. Công trình sau 3 năm thì hoàn thành với sự đóng góp của phật tử gần xa.

2. Dấu ấn văn hóa Phật giáo Ấn Độ tại Việt Nam dẫn liệu từ Phật giáo Nam tông ở Huế

Về kiến trúc chùa: Chùa Nam Tông ở thành phố Huế thường được xây dựng giản dị, không cầu kỳ, cốt để đáp ứng những nhu cầu hành lễ của các phật tử và những tăng sư. Khác với Phật giáo Bắc tông, Phật giáo Nam tông chỉ tôn thờ và chiêm bái duy nhất Đức Phật Gautama (Đức Phật Tổ Như Lai). Vì thế, trong chánh điện cũng như trong khuôn viên của các ngôi chùa Phật giáo Nam tông cũng chỉ xuất hiện tượng đức Phật, chứ hoàn toàn không có các vị Phật như A Di Đà, Phật Di Lạc, Phật Dược Sư,... Một trong những đặc điểm dễ nhận thấy dấu ấn văn hóa Ấn Độ tại các ngôi chùa Nam tông ở Huế là các trụ đá Asoka với hình dạng đặc trưng trên đỉnh cột có bốn con sư tử tựa lưng vào nhau, đặt trên một trụ ngắn tròn.

Trên bề mặt của trụ ngắn này có bốn bánh xe chuyển pháp luân, mỗi bánh xe gồm 24 căm, đặt xen kẽ với bốn con vật xung quanh là: một con voi, một con bò đực, một con ngựa và một con sư tử. Tiếp nối với đoạn hình trụ là đế bán cầu hình hoa sen dốc ngược xuống.




Chùa Huyền Không Sơn Thượng. Ảnh: Hữu Phúc

Trụ cột Asoka được các vị sư tăng cho khắc trên cổng vào, tường nhà để trang trí, tạo nên một đan xen nghệ thuật Ấn Độ trong lòng kiến trúc truyền thống Việt. Ngoài chùa Nam tông, một số ngôi chùa Phật giáo Bắc tông ở Huế cũng có cột đá Asoka như chùa Linh Sơn, chùa Tường Vân,... Nhìn chung, kiến trúc của những ngôi chùa Nam tông ở Huế đều mô phỏng theo các lối kiến trúc của Campuchia, Thái Lan, Myanmar, nhưng chủ đạo vẫn theo phong cách của Việt Nam (riêng chùa Huyền Không Sơn Thượng là mang kiến trúc thuần Việt). Một số chùa còn có ngôi bảo tháp để tôn trí ngọc Xá lợi của đức Phật.




Trụ cột Asoka tại chùa tại Thiền Lâm (bên trái) và tại chùa Pháp Luân (bên phải). Ảnh: Hữu Phúc

Trong các ngôi chùa Nam tông ở Huế đều có hình tượng "Thế Tôn khất thực" đặt trong khuôn viên của nhà chùa và một trong những tượng Thế Tôn khất thực nổi tiếng ở Huế là nằm ở chùa Thiền Lâm. Tuy nhiên, pho tượng này lại không nằm trong khuôn viên trong chùa, mà nằm tại ngã ba dưới chân đồi Quảng Tế, tượng cao khoảng 8m, rất uy nghi, tự tại. Ngoài ra hình ảnh phổ biến thứ hai mà các ngôi chùa Nam tông ở Huế cũng như gắn liền với hình ảnh chùa Thiền Lâm là tượng Thế tôn Niết bàn. Chính hai tôn tượng của Đức Thế Tôn mà Phật tử Huế hay cư dân nơi đây thường gọi là chùa "Phật đứng - Phật nằm".




Tịnh thất Gotami. Ảnh: Hữu Phúc

Ngoài ra trên một số công trình kiến trúc tại các ngôi chùa Phật giáo Nam tông còn khắc chữ Pali, nhiều nhất là nằm trên các cổng của ngôi chùa, như chùa Tăng Quang có khắc chữ: Sangharànsyaràma, chùa Pháp Luân (Dhammacakkarama), chùa Thiền Lâm (Samadhi- vanahiara),...Ngoài ra chữ Pali còn xuất hiện trên các tượng đài Đức Thế Tôn như ở chùa Thiền Lâm.




Biểu tượng trên trụ cột Asoka được dùng trong trang trí tại tường và cổng chùa. Ảnh: Hữu Phúc

Một trong những dấu ấn về kiến trúc Phật giáo Ấn Độ hiện diện trên đất Huế là ngôi Bảo tháp Đại Giác ở chùa Huyền Không được xây dựng mô phỏng theo mẫu ngôi đại tháp Mahà Bodhi Gàya (Bồ Đề Đạo Tràng) ở Ấn Độ nhưng kích cỡ nhỏ hơn. Bảo tháp có chiều cao 37m, 4 tháp phụ chung quanh, mỗi tháp cao 24m. Tháp được xây bằng gạch đất sét nung, nhìn rất cân đối và bề thế. 5 chóp tháp có màu vàng, thân tháp màu trắng chạm trỗ nhiều hoa văn theo truyền thống nghệ thuật trang trí của Ấn Độ. Ngôi tháp chính có 6 tầng, 2 tầng cao nhất tôn trí xá lợi đức Phật, xá lợi chư Thánh Tăng, còn 2 tầng giữa làm nơi tàng trữ Tam tạng Pali; 2 tầng dưới làm Thiền phòng.



Tượng Đức Thế Tôn khất thực tại chùa Thiền Lâm. Ảnh: Hữu Phúc

Về nghi thức: Nghi thức Phật giáo Nam tông khá đơn giản, nhưng không kém phần trang trọng và tôn nghiêm. Sở dĩ đơn giản là vì nghi thức Nam tông dựa vào truyền thống Phật giáo Nguyên thủy. Nghi thức Phật giáo Nam tông không có các khí cụ như: chuông trống, lễ nhạc, sự ngân nga khi tán tụng như Phật giáo Bắc tông. Khi phật tử cúng dường, chư Tăng có lời động viên, khích lệ phật tử tu hành, trau dồi phước thiện, làm lành, lấy nhân quả làm gốc. Sau đó, chư Tăng tụng kinh chúc phúc và phật tử hồi hướng công đức. Phật tử đến chùa chỉ dâng hoa để tỏ lòng thánh kính chứ không dâng cúng vật thực, cũng không có cúng sao hạn, chẩn tế, không bói toán, coi ngày tốt xấu.

Một trong nghi thức quan trọng và không thể thiếu đối với Phật giáo Nam tông là hình thức đi khất thực, hình thức này gắn liền với hình ảnh đức Phật khi còn tại thế. Đây là một trong những hình thức tu tập theo đạo Phật do chính Phật Thích Ca Mâu Ni khai sáng. Pháp hành này đem lại nhiều lợi ích cho các nhà sư cũng như phật tử cúng dường, là cách truyền bá và duy trì phật pháp hiệu quả. Đặc điểm của việc đi khất thực là không nhận tiền bạc, chỉ nhận vật thực đã chín, do người dân tự nguyện dâng cúng. Việc thọ thực không quá giờ Ngọ, theo hình thức tam tịnh nhục (không chay không mặn).



Bảo tháp Đại Giác ở chùa Huyền Không. Ảnh: Hữu Phúc

Nghi thức Nam tông thường tụng kinh song ngữ Pali - Việt. Sở dĩ đức Phật chọn ngôn ngữ Pāli của vương quốc Maghadha để thuyết pháp là vì ngôn ngữ này phổ thông nhất ở Ấn Độ thời đó. Ngôn ngữ Maghadha đã được chọn làm ngôn ngữ Kiết Tập Kinh Điển lần I do Trưởng lão Ca Diếp làm chủ tọa và nhà vua A Xà Thế bảo trợ sau ba tháng đức Phật viên tịch. Khoảng 300 năm sau, dưới thời Đại đế Asoka, nhà vua chọn ngôn ngữ Maghadha làm quốc ngữ(6). Có thể nói rằng, đối với Phật giáo Nguyên thủy thì Pāli là thánh ngữ thiêng liêng, cao quý và là ngôn ngữ duy nhất của Phật giáo Nguyên thủy. Có nhiệm vụ lưu giữ và truyền thừa Pháp (Dhamma) và Luật (Vinaya). Dùng cho việc tụng đọc hằng ngày của chư tăng ni và tín đồ phật tử theo hệ phái này(7). Việc tụng kinh bằng phạn ngữ Pāli là nghi thức đặc thù của truyền thống Phật giáo Nam tông trên thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Cũng theo truyền thống Phật giáo Nam tông thì những khóa lễ chính như: công phu sáng, chiều, cầu an, cầu siêu, trai tăng đều cử hành thống nhất nhau.

Về lễ hội: Phật giáo Nam tông có bốn lễ hội chính vào các ngày: Rằm tháng Giêng, Rằm tháng Tư, Rằm tháng Sáu và lễ hội Dâng y từ ngày 16/9-15/10 âm lịch.

Lễ hội Rằm tháng Giêng: Theo kinh điển Pāli, ngày Rằm tháng Giêng có hai ý nghĩa: 1. Đức Phật tuyên hứa và khẳng định với Ma vương là 3 tháng nữa Ngài sẽ lên đường tịch diệt; 2. Ngày đại hội thánh Tăng gồm có 1.250 vị Tỳ khưu xuất gia Ehibhikkhu, đồng quy về nghe ý kiến đức Phật và nghe lời giáo huấn của Ngài.

Lễ hội Rằm tháng Tư: Hay còn gọi lễ hội Tam hợp - Vesak, đây là ngày kỷ niệm một lúc ba sự kiện lịch sử: 1. Đức Phật Đản sinh; 2. Đức Phật thành đạo; 3. Đức Phật nhập Niết bàn. Trước thập niên 1950, Phật giáo Bắc tông xem ngày mồng 8 tháng tư là ngày đản sanh của Đức Phật Thích Ca, nhưng về sau, thống nhất với Phật giáo thế giới và Phật giáo Nam tông ở Việt Nam, đã quyết định chọn ngày Rằm tháng Tư là ngày Khánh đản của đức Phật.

Lễ hội Rằm tháng Sáu: Lễ hội này mang ý nghĩa như đức Phật giáng trần, đức Phật xuất gia, đức Phật chuyển pháp luân, đức Phật dùng thần thông chinh phục ngoại đạo và lên cung trời Đao lợi thuyết tạng Vi Diệu Pháp để độ Phật mẫu. Đồng thời đây cũng là ngày khởi đầu mùa An cư kiết hạ của chư Tăng Nam tông.(8)



Đoàn Phật tử dâng pháp y tại tịnh thất Gotami. Ảnh: Đăng Mạnh

Lễ dâng y Kathina (lễ dâng y cà sa): là nghi lễ quan trọng của Phật giáo Nam tông, được tổ chức sau ba tháng nhập hạ của chư Tăng, diễn ra trong khoảng thời gian từ ngày 15/9 đến 15/10 Âm lịch. Nguồn gốc lễ dâng y Kathina bắt nguồn từ việc khi đức Phật còn tại thế, ngài chuẩn bị an cư tại chùa Kỳ Viên tại thành Xá Vệ, khi đó có một nhóm Tăng đoàn khoảng 30 người đến xin được cùng an cư với đức Phật tại thành Xá Vệ. Sau khi được đức Thế Tôn đồng ý, Tăng đoàn đã đến chùa Kỳ Viên, nhưng do đường xa, đi lại khó khăn, lại vào mùa mưa nên khi Tăng đoàn tới nơi, y áo đều bị ướt và rách nát. Sau khi an cư, đức Phật mới cho phép nới lỏng một số giới luật để tăng đoàn được lưu lại, may vá y phục mới trước khi tiếp tục lên đường hành pháp. Cũng chính tại đây, nữ đại thí chủ Visakha - một trong hai bậc hộ pháp của Phật giáo (người còn lại là Trưởng giả Sudatta) đã dâng y cho đức Phật lần đầu tiên. Từ đó xuất hiện lễ dâng y và trở thành lễ hội truyền thống trong Phật giáo Nam tông.

Lễ dâng y Kathina mang một ý nghĩa hết sức to lớn, vừa thể hiện sự thiện tâm của người phật tử đối với việc hộ trì Tăng đoàn, vừa tạo niềm vui trong mùa lễ hội của các phật tử. Vật phẩm dâng cúng lễ bao gồm áo cà sa, bình bát để sư đi khất thực và một số vật dụng sinh hoạt, nhu yếu phẩm hằng ngày cần thiết như: thuốc uống, thực phẩm, đồ da dụng,...

Về y phục: Hình ảnh ba y, một bát, đầu tròn, áo vuông đi bộ khất thực để hành đạo và hóa độ chúng sinh là hình ảnh quen thuộc và giống như thời đức Phật còn tại thế. Bóng y cà sa thanh thoát không chỉ gợi lên hình ảnh về cuộc đời của đức Phật và Tăng đoàn từ đất nước Ấn Độ, mà còn là biểu tượng của phạm hạnh, đức độ, là ánh đạo vàng, biểu trưng cho sự giác ngộ toàn năng, một hạnh duyên thù thắng mang lại nhiều hạnh phúc, an lành và thành tựu.

3. Kết luận

Những năm đầu thế kỷ XX, dưới sự lãnh đạo và hoằng pháp của các vị cao tăng như Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Giới Nghiêm,... Phật giáo Nam tông được truyền bá và phát triển tại Việt Nam, góp phần làm phong phú thêm diện mạo và sắc thái của Phật giáo Việt Nam. Cũng từ đây, văn hóa Ấn Độ và văn hóa Việt Nam có sự giao lưu và để lại nhiều dấn ấn trong Phật giáo tại nhiều nơi ở Việt Nam, trong đócó thành phố Huế. Chính sự hiện diện của Phật giáo Nam tông ở Huế như một luồng sinh khí mới cho đức tin và phương thức tu tập theo con đường của đức Phật Thích Ca khi còn tại thế tại Ấn Độ. Sự ra đời và phát triển các ngôi chùa cũng như duy trì phương thức tu tập theo truyền thống Phật giáo Nam tông đã phản ánh một cách rõ nét về dấu ấn văn hóa Phật giáo Ấn Độ tại vùng đất Huế.

Tác giả: **Ths. Nguyễn Hữu Phúc -** *Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế*

& **Nguyễn Đăng Mạnh -** *Trường Đại học Đông Á*

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 07/2026

***

Chú thích:

(1) Tỳ Kheo Thiện Minh (2017), Giáo trình Lược sử Phật giáo Nam tông Việt Nam, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 48.

(2) Thích Hải Ấn & Hà Xuân Liêm (2006), Lịch sử Phật giáo xứ Huế, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, tr. 477.

(3) Hòa thượng Giới Nghiêm (1921-1984), thế danh là Nguyễn Đinh Trấn. Quê tại làng Dạ Lê Thượng, phường Thanh Thủy, thành phố Huế.

(4) Nguyễn Văn Sáu (2004), Bước đầu tìm hiểu Phật giáo Nam tông Cố đô Huế, Nxb. Tôn giáo, tr. 11-17.

(5) Tỳ khưu Giới Đức (2021), Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam sử lược, tập II, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 575.

(6) Tỳ Kheo Thiện Minh (2017), Giáo trình Lược sử Phật giáo Nam tông Việt Nam, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.110.

(7) An Tường Nhân (2023), Ngôn ngữ Pali và Kinh tạng Phật giáo Nguyên thủy, truy cập tại địa chỉ: https://tapchinghiencuuphathoc. vn/ngon-ngu-pali-va-kinh-

tang-phat-giao-nguyen-thuy.html.

(8) Thư viện Hoa sen (2015), Đại lễ dâng Y Kathina của Phật giáo Nam tông tại Huế, truy cập tại địa chỉ: https://thuvienhoasen.org/ p122a23773/3/dai-le-dang-y-kathina-cua-phat-giao-nam-tong-tai-hue.

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Hải Ấn & Hà Xuân Liêm (2006), Lịch sử Phật giáo xứ Huế, Nxb. Văn hóa Sài Gòn.

2. Tỳ khưu Giới Đức (2021), Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam sử lược, tập II, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

3. Tỳ Kheo Thiện Minh (2017), Giáo trình Lược sử Phật giáo Nam tông Việt Nam, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

4. An Tường Nhân (2023), Ngôn ngữ Pali và Kinh tạng Phật giáo Nguyên thủy, truy cập tại địa chỉ: https://tapchinghiencuuphathoc. vn/ngon-ngu-pali-va-kinh-tang-phat-giao-nguyen-thuy.html.

5. Thư viện Hoa sen (2015), Đại lễ dâng Y Kathina của Phật giáo Nam tông tại Huế, truy cập tại địa chỉ: https://thuvienhoasen.org/ p122a23773/3/dai-le-dang-y-kathina-cua-phat-giao-nam-tong-tai-hue.

6. Nguyễn Văn Sáu (2004), Bước đầu tìm hiểu Phật giáo Nam tông Cố đô Huế, Nxb. Tôn giáo.